|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM  HUYỆN ỦY NAM TRÀ MY  \*  Số -NQ/HU  (Dự thảo) | ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  *Nam Trà My, ngày tháng 9 năm 2021* |

NGHỊ QUYẾT

về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

-----

I- THỰC TRẠNG CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP - TTCN; THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2015 - 2020.

Nam Trà My là huyện miền núi, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Quảng Nam, có diện tích tự nhiên trên 82.638 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp trên 18.369 ha; đất lâm nghiệp 62.061 ha, đất phi nông nghiệp 1.921 ha, đất chưa sử dụng 285 ha; toàn huyện có 10 đơn vị hành chính cấp xã, dân số trung bình năm 2020 là 31.500 người; lực lượng lao động dồi dào, có trên 16.630 người trong độ tuổi lao động; số hộ nghèo và cận nghèo là 2.379 hộ, chiếm 31,09% tổng số hộ

Trong những năm qua, Đảng bộ huyện đã định hướng lãnh đạo, chỉ đạo bằng nhiều chủ trương, giải pháp và biện pháp thiết thực để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trong đó, lĩnh vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ (CN-TTCN, TM-DV) được xác định làm nhiệm vụ quan trọng để chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế của huyện.

Giai đoạn 2015 - 2020, giá trị sản xuất CN-TTCN tăng bình quân hàng năm trên 18%; chiếm tỷ trọng trên 5% trong cơ cấu kinh tế. Năm 2020 ước tính tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 55,61 tỷ đồng (giá hiện hành), tăng trên 81% so với năm 2015, giải quyết việc làm cho trên 250 lao động. Cơ sở hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ tăng từ 293 lên 447 cơ sở, tăng trên 34,5% so với năm 2015; hạ tầng thương mại được quy hoạch, đầu tư chỉnh trang, kết hợp với định hướng quy hoạch xã nông thôn mới; các loại hình dịch vụ được phát triển mở rộng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là: lĩnh vực CN-TTCN, TM-DV phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, còn mang tính tự phát; công tác khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế, thiếu bền vững. Cơ chế chính sách và thu hút đầu tư còn khó khăn; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch còn nhiều bất cập, một số nơi hệ thống chính trị vào cuộc chưa thật sự quyết liệt.

Trước những kết quả đạt được, cơ hội và khó khăn, thách thức cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đặt ra trong giai đoạn hiện nay; việc đầu tư phát triển ngành CN-TTCN, TM-DV trong thời gian đến là yêu cầu cần thiết, nhằm phấn đấu đạt được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

II- VỀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

Phát triển ngành CN-TTCN, TM-DV là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị trên cơ sở vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nhằm góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân chủ động tìm và tạo việc làm mới; chống tư tưởng trông chờ, ỉ lại.

Phát huy triệt để nội lực, tranh thủ tối đa ngoại lực. Trong quá trình đầu tư phát triển CN-TTCN, TM-DV phải đảm bảo tính bền vững, ổn định, nằm trong tổng thể quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và có sự tác động, đan xen giữa các ngành kinh tế để tạo nên sức mạnh tổng hợp, mang lại hiệu quả và hài hòa về lợi ích kinh tế - xã hội gắn với phát triển du lịch; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe nhân dân và người lao động.

Ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến nông lâm sản và du lịch; chủ động đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu sản xuất tại chỗ, ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học, công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng, phù hợp từng địa phương có tiềm năng, lợi thế về nguyên liệu, đất đai, lao động; gắn với thị trường để sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả và đầu ra sản phẩm ổn định, từng bước vươn ra thị trường ngoài tỉnh.

Đầu tư phát triển CN-TTCN, TM-DV phải trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX (*Nhiệm kỳ 2020 – 2025*); Kết luận số 29-KL, ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược giai đoạn 2021 – 2025; đồng thời, phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh và của huyện, gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2- Mục tiêu

*2.1- Mục tiêu chung*

Phát triển CN-TTCN, TM-DV trên cơ sở thực hiện những mục tiêu phát triển KT-XH đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nam Trà My lần thứ XIX thông qua. Mục tiêu từ nay đến năm 2025, cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp đạt 20 - 25%; cơ cấu giá trị công nghiệp - xây dựng đạt 20 - 25% ([[1]](#footnote-1)); dịch vụ đạt 50 - 60% ([[2]](#footnote-2)) trên tổng giá trị sản xuất.

Huy động mọi nguồn lực để đảm bảo cho sản xuất công nghiệp phát triển nhanh, bền vững nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ. Tập trung đầu tư phát triển một số ngành CN-TTCN có lợi thế khai thác, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu để tạo ra các sản phẩm công nghiệp mũi nhọn, chủ lực với chất lượng cao, có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, sử dụng nhiều lao động có sản phẩm xuất khẩu và thân thiện với môi trường.

Phát triển các loại hình thương mại có sản phẩm, hàng hóa đặc trưng dựa vào tiềm năng, lợi thế của địa phương đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; tạo điều kiện, môi trường thuận lợi trong kinh doanh, trao đổi hàng hóa, sản phẩm, cung ứng dịch vụ. Duy trì và phát triển mô hình phiên chợ sâm Ngọc Linh và hành nông sản định kỳ hàng tháng, Lễ Hội sâm Ngọc Linh; có kế hoạch thực hiện đầu tư và huy động các nguồn lực xã hội để mở rộng về số lượng, quy mô, chất lượng các loại hình thương mại, dịch vụ, chất lượng sản phẩm hàng hóa theo chuẩn OCOP.

Phát triển nhiều thành phần kinh tế trong hoạt động thương mại – dịch vụ, nhất là kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, hộ gia đình. Thu hút lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ ngày càng tăng về số lượng và đảm bảo chất lượng.

Tổ chức quản lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng, người sản xuất theo hướng hội nhập và phát triển.

*2.2- Mục tiêu cụ thể*

*2.2.1- Giai đoạn 2021-2025*

- Phấn đấu đưa tổng giá trị sản xuất ngành CN-TTCN tăng bình quân hằng năm từ 30% trở lên;

- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành CN-TTCN chiếm từ 7 % trở lên trong tổng giá trị sản xuất của huyện hằng năm;

- Phấn đấu đưa tổng giá trị sản xuất ngành TM-DV tăng bình quân hằng năm từ 15% trở lên;

- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành TM-DV chiếm 35% trong tổng giá trị sản xuất của huyện hằng năm;

- Thu hút lao động hằng năm vào ngành TM-DV tăng 10 %/năm.

*2.2.2- Giai đoạn đến 2030*

- Phấn đấu đưa tổng giá trị sản xuất ngành CN-TTCN tăng bình quân từ 40 %/năm trở lên.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành CN-TTCN chiếm trên 10% trong tổng giá trị sản xuất của huyện;

- Phấn đấu đưa tổng giá trị sản xuất ngành TM-DV tăng từ 17%/năm trở lên.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành TM-DV chiếm trên 40% trong tổng giá trị sản xuất của huyện;

- Thu hút lao động hằng năm vào ngành thương mại tăng 20%/năm.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1- Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tổ chức thu hút nhà đầu tư vào cụm công nghiệp Trà Don - Trà Mai; Bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp Trà Nam - Trà Linh, Cụm công nghiệp Trà Dơn - Trà Leng, hình thành các cụm công nghiệp vùng, thu hút nhà đầu tư trong lĩnh lực nông nghiệp nông thôn, theo hướng phù hợp với thực tế sử dụng đất, bảo đảm tính bền vững lâu dài.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi; xem cải cách hành chính là khâu then chốt, tạo bước đột phá trong việc xây dựng môi trường đầu tư và xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp; thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục duy trì và phát triển cơ sở sản xuất CN-TTCN hoạt động trên các lĩnh vực xây dựng, các cơ sở sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến lâm nông sản, dược liệu.... Thu hút lao động tại địa phương vào làm việc tại các cơ sở SXCN khu vực nông thôn để nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu từ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, như sâm Ngọc Linh, Quế Trà My, các loại cây dược liệu, hàng nông sản... đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp, ngành nghề TTCN và làng nghề truyền thống như rèn, dệt thổ cẩm, mây tre đan, thủ công mỹ nghệ… chú trọng cải tiến kỹ thuật và đưa công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của huyện theo hướng ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao; sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Vận dụng các cơ chế chính sách hiện có để tạo động lực thúc đẩy công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phát triển để thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm.

Khuyến khích đầu tư hình thành các cơ sở thu mua, sơ chế hàng nông sản đáp ứng nhu cầu trên thị trường. Quan tâm hỗ trợ các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu, bao bì, hình thành thương hiệu để mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường kiểm tra và xử lý các vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng các hoá chất cấm sử dụng trong chế biến thực phẩm.

2- Về thương mại - dịch vụ

Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm OCOP, CNNT tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng của huyện trên các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, trên Sàn giao dịch thương mại điện tử (*TMĐT*) của tỉnh và các kênh sóng truyền hình, truyền thanh của huyện, tỉnh, Báo Quảng Nam; tăng cường trao đổi thông tin về thị trường, thông tin hội nhập, các hiệp định thương mại… thông tin đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong huyện

Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển du lịch miền núi gắn với các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, cộng đồng, du lịch làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số...; từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng của lực lượng lao động, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Hình thành các tuyến du lịch mới trên cơ sở gắn kết những điểm du lịch hiện có; đẩy mạnh phát triển du lịch sông nước các lòng hồ thủy điện. Đồng thời, liên kết với các thành phố, các huyện hình thành các tua du lịch liên huyện.

Phát triển mạng lưới TM-DV đều khắp ở các vùng trên địa bàn huyện; trong đó, chú trọng đến các vùng, địa phương có nhiều tiềm năng lợi thế; kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, nhằm thu hút hình thành các cơ sở dịch vụ đa dạng để kích thích phát triển TM-DV. Ưu tiên bố trí quỹ đất phù hợp để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật TM-DV; đầu tư phát triển, mở rộng các trung tâm mua sắm theo quy hoạch được duyệt; huy động các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, chợ nông thôn; khuyến khích hình thành thêm các chợ nhỏ ở nông thôn. Duy trì và mở rộng mô hình phiên chợ sâm Ngọc Linh định kỳ hàng tháng tại Trung tâm huyện và Trung tâm xã Trà Linh.

Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển các ngành dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và hàng tiêu dùng. Đảm bảo đầu ra cho hàng hoá sản xuất trên địa bàn huyện và cung ứng đầy đủ, kịp thời, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn; gắn thương mại với phát triển sản xuất.

Tạo điều kiện thành lập các doanh nghiệp thương mại gắn với cơ sở sản xuất, chế biến; phát triển các đại lý đầu mối cung cấp hàng hoá, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng. Mở rộng và nâng cao hiệu quả các khâu dịch vụ của các HTX nông nghiệp. Khuyến khích xây dựng các nhà hàng, khách sạn, siêu thị, các cơ sở thương mại phục vụ theo hướng văn minh, hiện đại. Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển thương mại trên địa bàn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Tạo điều kiện thuận lợi để các ngân hàng thành lập chi nhánh, phòng giao dịch. Mở rộng và phát triển đa dạng các dịch vụ tiện ích ngân hàng; đẩy mạnh hoạt động tín dụng khu vực nông thôn, tạo điều kiện cho người dân vay vốn để mở rộng sản xuất, đồng thời huy động hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng trên cơ sở đổi mới và hiện đại hoá công nghệ, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ trình độ quản lý, sử dụng thiết bị hiện đại đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển ngày càng cao của nền kinh tế. Mở rộng các loại dịch vụ bảo hiểm trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống.

3. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nguồn lực đầu tư.

*a) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và xúc tiến đầu tư:*

Tiếp tục khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng phục vụ phát triển CN-TTCN để tập trung huy động nguồn lực đầu tư tạo tiền đề thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển.

Tập trung, huy động mọi nguồn lực để nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông, điện và hạ tầng viễn thông liên lạc để giúp giảm chi phí đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn.

Tăng cường hơn nữa công tác xúc tiến, giới thiệu, quảng bá các cơ hội đầu tư trên địa bàn. Các cấp, các ngành, các địa phương phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Doanh nghiệp, hỗ trợ, tinh giản, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho DN và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư trên địa bàn.

*b) Nguồn lực về vốn:*

Rà soát, bổ sung và điều chỉnh các chính sách ưu đãi đầu tư phát triển CN-TTCN của huyện phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tiếp cận vốn vay của các ngân hàng, quỹ tín dụng Nhân dân đầu tư sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân liên doanh, liên kết để kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển CN-TTCN, TM-DV.

Có kế hoạch vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách về phát triển CN-TTCN, TM-DV của Trung ương, tỉnh ở từng giai đoạn để áp dụng vào tình hình thực tế phát triển của huyện. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư theo các chương trình Quy hoạch phát triển ngành TM-DV như Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Ban hành kế hoạch hành động của ngành công thương thực hiện đề án tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình phát triển thương mại - miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch số 6217/KH-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Có giải pháp cho việc phân bổ nguồn vốn đầu tư, nhất là việc ưu tiên nguồn vốn khoa học công nghệ, khuyến công, OCOP được phân bổ và nguồn ngân sách của huyện. Đồng thời, tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân được tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng để mở rộng quy mô phát triển sản xuất, kinh doanh thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

*c) Về phát triển nguồn nhân lực:*

Kiện toàn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý và công chức của huyện trong thực hiện nhiệm vụ quản lý CN-TTCN, TM-DV. Từng bước có kế hoạch bố trí và phân công hợp lý cán bộ quản lý ngành CN-TTCN, TM-DV ở các xã. Tổ chức đào tạo, tập huấn về kiến thức quản lý thương mại - dịch vụ và học tập kinh nghiệm tại các địa phương, vùng có điều kiện tương ứng với đặc thù của huyện; đồng thời tổ chức cho các chủ cơ sở, những người có tâm huyết đi tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển ngành nghề mới về tổ chức sản xuất tại địa phương mình.

Liên kết với các cơ sở đào tạo nghề để mở rộng các hình thức hợp tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu và địa chỉ. Có cơ chế chính sách khuyến khích các cơ sở, doanh nghiệp liên kết với các cơ sở đào tạo để có nguồn nhân lực bảo đảm số lượng và chất lượng, nhất là đội ngũ công nhân kỹ thuật.

Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho ngành TM-DV, nâng cao trình độ, kỹ năng kinh doanh, tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ mới trong quản lý kinh doanh để khuyến khích phát triển tiềm năng kinh doanh. Có chính sách, chế độ ưu đãi khuyến khích các tổ chức, hiệp hội, cán bộ khoa học kỹ thuật, nhà quản lý và các nghệ nhân tham gia phổ cập kiến thức, đào tạo nghề, truyền nghề cho người lao động. Thành lập các hiệp hội, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân hoạt động trong lĩnh vực ngành.

Có kế hoạch cụ thể cho việc đào tạo nghề, định hướng hình thành tạo lập cơ sở TM-DV gắn với lợi thế nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển các sản phẩm hàng hóa một cách đa dạng, phong phú, mang đặc trưng truyền thống của địa phương.

4. Về phát triển các mô hình kinh tế để thúc đẩy phát triển CN-TTCN, TM-DV

Có kế hoạch cụ thể nhằm định hướng mở rộng và hình thành mới các mô hình kinh tế nông, lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tại địa phương, tạo tiền đề để thúc đẩy phát triển TM-DV.

Ưu tiên đầu tư phát triển các loại cây nguyên liệu có thế mạnh của địa phương và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Thực hiện có hiệu quả việc đầu tư phát triển các mô hình trồng cây ăn quả theo Nghị quyết phát triển kinh tế vườn nhà trên địa bàn huyện.

Chú trọng đầu tư hình thành các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại; tăng số lượng hộ đầu tư, mở rộng quy mô và tăng giá trị đầu tư nuôi cá lồng bè trên lòng hồ thủy điện.

Quan tâm phát triển mạng lưới tiểu thủ công nghiệp nhất là việc sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm hàng hóa từ nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương làm cơ sở cho TM-DV trên địa bàn phát triển ổn định.

Thu hút đầu tư, hình thành các nhà máy chế biến, may mặc; mở rộng quy mô, đa dạng các cơ sở kinh doanh TM-DV có sử dụng số lượng lớn người lao động.

5. Về công tác bảo vệ môi trường

Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các cam kết, giải pháp bảo vệ môi trường của các chủ dự án, việc xử lý chất thải rắn, bãi thải tại các cụm CN-TTCN, làng nghề, các dự án. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, tăng cường công tác điều tra cơ bản, quan trắc, nâng cao chất lượng dự báo, chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, xây dựng chất thải rắn, bãi thải tập trung đảm bảo quy định.

Chú trọng công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu vực kinh doanh thương mại, chú trọng đến các khu chợ, khu du tích, các điểm đến tham quan du lịch trên địa bàn huyện, cửa hàng xăng dầu, các cơ sở dịch vụ ăn uống, cơ sở giết mổ. Khuyến khích các chủ đầu tư, các doanh nghiệp sử dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại trong việc thu gom, xử lý chất thải, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

6. Về tăng cường năng lực quản lý Nhà nước

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển CN-TTCN của tỉnh Quảng Nam; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển CN - TTCN với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nam Trà My.

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách hành chính nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành trong giải quyết và xử lý công việc; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thu hút đầu tư, thành lập và đăng ký kinh doanh theo phân cấp. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ doanh nghiệp và người dân một cách có hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí

Chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động liên quan đến CN-TTCN, TM-DV theo đúng quy định của pháp luật. Bảo đảm môi trường pháp lý an toàn, thuận lợi. Công khai các chính sách khuyến khích phát triển CN - TTCN, TM - DV *(về đất đai, thuế, vốn, …)* để thu hút đầu tư. Tích cực đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và các hành vi kinh doanh trái phép.

Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước trên nhiều phương diện: bảo vệ người tiêu dùng, xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể cho việc kiểm soát quản lý thương mại hàng hóa dịch vụ trên địa bàn huyện; định hướng phát triển hệ thống thị trường hàng hóa, tổ chức tốt mạng lưới thông tin và công tác dự báo thị trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1- Các cấp uỷ đảng, chính quyền, các cơ quan, ban ngành, Mặt trận, hội, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến quán triệt Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết có hiệu quả.

2- UBND huyện xây dựng kế hoạch cân đối các nguồn lực, có chính sách đầu tư thích đáng, đồng bộ, hiệu quả để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết đã đề ra.

3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy giúp Ban Thường vụ Huyện ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ tổng hợp báo cáo cho Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  - Văn phòng Tỉnh ủy,  - Các đồng chí HUV,  - Các Ban, ngành, hội đoàn thể huyện,  - Đảng ủy, UBND các xã,  - Các chi (đảng) bộ trực thuộc,  - Lưu Văn phòng Huyện ủy. | T/M HUYỆN ỦY  BÍ THƯ  Lê Thanh Hưng |

1. ()  Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp phần đấu đạt 18 % trên tổng giá trị sản xuất; lĩnh vực công nghiệp phấn đấu đạt 7 % trên tổng giá trị sản xuất. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Trong đó: Lĩnh vực thương mại - dịch vụ phấn đấu đạt 35 % trên tổng giá trị sản xuất; lĩnh vực dịch vụ công phấn đấu đạt 25 % trên tổng giá trị sản xuất. [↑](#footnote-ref-2)